

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022
V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh
2. Ông Trần Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2022/QĐ-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 351, tổ 10, ấp 4, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 361, tổ 9, ấp 4, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Hà Văn M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 351, tổ 10, ấp 4, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị B có mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,

nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh M kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cao Lãnh ngày 17/5/2001. Cuộc hôn nhân ban đầu hạnh phúc, vợ chồng có 04 con chung, nhưng đến tháng 9 năm 2020 gia đình xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh M thường xuyên uống rượu, mỗi lần về là kiểm chuyện cãi nhau với vợ con, không quan tâm gia đình, mục đích xây dựng gia đình không đạt được. Tháng 3/2021 chị B có làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và sau đó rút đơn lại, anh M hứa sẽ sửa đổi nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn gia đình không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tình cảm gia đình không thể hàn gắn, hiện nay chị B đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 01/2022. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn M.

- Về con chung: Chị B và anh M có 04 con chung, gồm: Hà Hoàng X, sinh ngày 23/11/2000; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009. Hiện 03 con chung Hà Hoàng X, Hà Thị Cẩm N và Hà Thị Cẩm N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009 hiện đang sống chung với chị B, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị B trình bày, chị B và anh M tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2000, nhưng khi cưới nhau thì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn từ khi chị B sinh 02 đứa con, anh M thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu vào là hăm dọa đánh chị B, mặc dù chỉ hăm dọa chưa gây thương tích gì cho chị B nhưng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị B xác định đã không còn tình cảm với anh M, vợ chồng đã ly thân từ năm 2000, chị B đã ra sống riêng không còn sống chung nhà với anh M.

Vào năm 2021 chị B gửi đơn khởi kiện ly hôn, sau đó rút đơn để anh M thay đổi nhưng anh M vẫn không thay đổi. Việc chị B gửi đơn khởi kiện ly hôn với anh M gia đình chị B và anh M đều biết và cũng không ai có ý kiến. Anh M

cũng đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Hà Văn M, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh M không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị B và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hà Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh M vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh M kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cao Lãnh ngày 17/5/2001 nên hôn nhân giữa chị B và anh M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Chị B và anh M tự tìm hiểu để đi đến hôn nhân nhưng quá trình chung sống lại không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã bắt đầu phát sinh từ khi chị B sinh con thứ hai, cả hai không có tiếng nói chung, theo chị B xác định chị B thường xuyên phải sống trong sự đe dọa của anh M mỗi khi anh M uống rượu say nên chị B đã ly thân với anh M từ năm 2000 cho đến nay.

Tại phiên tòa, mặc dù được sự động viên của Hội đồng xét xử, chị B nên cho anh M thêm một cơ hội nữa để sửa chữa khuyết điểm, vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh M và khẳng định không thể hàn gắn được tình cảm với anh M và mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B ly hôn với anh M.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị B và anh M đã không còn

hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh M không cùng chị B chia sẻ, thực hiện trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ những căn cứ nêu trên, xác định mối quan hệ hôn nhân của chị B và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, chị Trần Thị B được ly hôn với anh Hà Văn M.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị B và Giấy khai sinh của con chung, xác định chị B và anh M có 04 con chung, gồm: Hà Hoàng X, sinh ngày 23/11/2000; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009. Hiện 03 con chung Hà Hoàng X, Hà Thị Cẩm N và Hà Thị Cẩm N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009 hiện đang sống chung với chị B, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Hà Trọng Đ hiện đang sống với chị B, chị B xác định chị B có công việc và thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời, cháu Hà Trọng Đ cũng có nguyện vọng được sống chung với chị B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Trọng Đ sinh ngày 05/12/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định. Anh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B. Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Hà Văn M.

2. Về con chung: Chị B và anh M có 04 con chung, gồm: Hà Hoàng X, sinh ngày 23/11/2000; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Thị Cẩm N, sinh ngày 10/8/2003; Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009. Hiện 03 con chung Hà Hoàng X, Hà Thị Cẩm N và Hà Thị Cẩm N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009 hiện đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Trọng Đ, sinh ngày 05/12/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005719 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị B đã nộp xong tiền án phí.

Anh Hà Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thị Ngọc Tâm